

**Câu trả lời****Viết lại số dưới dạng một bài toán nhân.**

1) 5^4

2) 6^5

3) 6^2

4) 4^3

5) 7^4

Viết lại phép nhân dưới dạng ký hiệu lũy thừa.

6) $5 \times 5 \times 5$

7) 3×3

8) 5×5

9) $8 \times 8 \times 8 \times 8$

10) $3 \times 3 \times 3 \times 3$

Giải bài toán.

11) $8 \times 8 \times 8$

12) 7^3

13) 6^3

14) 3^3

15) 5^2

16) 8^3

17) 7^2

18) 4 bình phương bằng bao nhiêu?

19) 3 bình phương bằng bao nhiêu?

20) 2 lập phương bằng bao nhiêu?

1. _____

2. _____

3. _____

4. _____

5. _____

6. _____

7. _____

8. _____

9. _____

10. _____

11. _____

12. _____

13. _____

14. _____

15. _____

16. _____

17. _____

18. _____

19. _____

20. _____



Viết lại số dưới dạng một bài toán nhân.

1) 5^4

2) 6^5

3) 6^2

4) 4^3

5) 7^4

Viết lại phép nhân dưới dạng ký hiệu lũy thừa.

6) $5 \times 5 \times 5$

7) 3×3

8) 5×5

9) $8 \times 8 \times 8 \times 8$

10) $3 \times 3 \times 3 \times 3$

Giải bài toán.

11) $8 \times 8 \times 8$

12) 7^3

13) 6^3

14) 3^3

15) 5^2

16) 8^3

17) 7^2

18) 4 bình phương bằng bao nhiêu?

19) 3 bình phương bằng bao nhiêu?

20) 2 lập phương bằng bao nhiêu?

Câu trả lời

1. $5 \times 5 \times 5 \times 5$

2. $6 \times 6 \times 6 \times 6 \times 6$

3. 6×6

4. $4 \times 4 \times 4$

5. $7 \times 7 \times 7 \times 7$

6. 5^3

7. 3^2

8. 5^2

9. 8^4

10. 3^4

11. 8^3

12. 343

13. 216

14. 27

15. 25

16. 512

17. 49

18. 16

19. 9

20. 8